TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 19-5-2026
V/v: Ly hôn giữa chị Dương và anh Trọng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Trường Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Đức.
2. Ông Trần Đình Mạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đức Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Ninh Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 45/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2026 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2026; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Thùy D, sinh năm 1998.

Nơi thường trú: Thôn M, xã V, tỉnh Ninh Bình.

Nơi ở hiện nay: Thôn T, xã L, tỉnh Ninh Bình.

CCCD số: 036198002305; cấp ngày 04-5-2022; nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C.

2. Bị đơn: Anh Trần Kế T, sinh năm 1992.

Nơi cư trú: Thôn M, xã V, tỉnh Ninh Bình.

CC số: 036092022005; cấp ngày 10-10-2024; nơi cấp: Bộ C.

3. Những người tham gia tố tụng khác - Người làm chứng:

- Ông Trần Kế M, sinh năm 1960;
- Bà Phạm Thị M1, sinh năm 1962;

Đều cư trú: Thôn M, xã V, tỉnh Ninh Bình.

(Tại phiên toà chị D vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh T, ông M và bà M1 vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn chị Vũ Thị Thùy D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Kế T tự nguyện kết hôn vào ngày 28 tháng 9 năm 2017, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện V, tỉnh Nam Định (nay là xã V, tỉnh Ninh Bình).

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến khoảng năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp về tính cách, bất đồng quan điểm sống, lối sống và cách ứng xử, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình nhiều lần khuyên và hòa giải nhưng không đạt kết quả. Vào đầu năm 2022, anh T đã nhiều lần đề xuất việc ly hôn nhưng lúc đó chị không đồng ý. Sau đó, chị đã đưa con bỏ về nhà bố mẹ đẻ của tôi ở thôn T, xã L, tỉnh Ninh Bình để sinh sống. Từ tháng 02 năm 2022 đến nay, chị và anh T đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc nhau.

Đến nay, chị nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa chị và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Kế T theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là cháu Trần Hoàng Nam A, sinh ngày 31/7/2017. Kể từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, cháu Nam A do chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Khi ly hôn, chị đề nghị giao cháu Nam A cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu anh Trần Kế T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

- Về tài sản chung và nợ chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị và anh Trần Kế T không có tài sản chung, không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn anh Trần Kế T: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập và tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho anh T để tham gia tố tụng, tuy nhiên anh T đều vắng mặt và không có ý kiến gì đối với việc giải quyết vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, của Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và của Hội đồng xét xử, của Thư ký Tòa án tại phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của các đương sự.

- Về yêu cầu khởi kiện của đương sự: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị Thùy D.

Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Vũ Thị Thùy D và anh Trần Kế T.

Về con: Giao con Trần Hoàng Nam A, sinh ngày 31/7/2017 cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị D phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền: Theo xác minh anh T lao động tại Đài Loan, nhưng không rõ địa chỉ cụ thể. Tại công văn trả lời ngày 15-4-2026 của Phòng Q Công an tỉnh N "Anh T sử dụng hộ chiếu số E03637998, cấp ngày 05-12-2024, có giá trị đến ngày 05-12-2034, đã xuất cảnh lần gần nhất ngày 16-3-2025 qua Sân bay quốc tế N, thành phố Hà Nội và đến nay chưa có thông tin nhập cảnh trở lại Việt Nam". Do trước khi xuất cảnh anh T cư trú tại thôn M, xã V, tỉnh Ninh Bình, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Ninh Bình.

[1.2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, chị D vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đối với anh T, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh thông qua ông Trần Kế M và bà Phạm Thị M1 là bố mẹ đẻ của anh T. Ông M và bà M1 đều xác nhận anh T hiện đang lao động ở nước ngoài, vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình, nhưng không cung cấp địa chỉ cụ thể của anh T cho Tòa án. Căn cứ Điều 10 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao, Tòa án tiếp tục giải quyết, xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Thùy D và anh Trần Kế T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện V, tỉnh Nam Định (nay là xã V, tỉnh Ninh Bình) vào ngày 28 tháng 9 năm 2017 theo đúng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống giữa chị D và anh T không hạnh phúc, hai bên đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2022. Trong thời gian ly thân, các bên không còn quan hệ tình cảm, không có sự chăm sóc, chia sẻ, không thực hiện các nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị D và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ các Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D, xử cho chị D được ly hôn với anh Trần Kế T.

[3]. Về con chung: Chị D và anh T có 01 con chung là Trần Hoàng Nam A, sinh ngày 31 tháng 7 năm 2017. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, cháu Nam A do chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Xét thấy việc giao cháu Nam A cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu, nên được chấp nhận. Khi ly hôn, chị D không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị, nên không buộc anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị D trình bày không có. Anh T vắng mặt, không có ý kiến về việc giải quyết tài sản, nợ chung do vậy về tài sản chung, nợ chung Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử cho chị Vũ Thị Thùy D ly hôn anh Trần Kế T.

2. Con chung: Giao con Trần Hoàng Nam A, sinh ngày 31 tháng 7 năm 2017 cho chị Vũ Thị Thùy D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Trần Kế T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Vũ Thị Thùy D (cháu Trần Hoàng Nam A hiện nay chị D đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng).

Anh Trần Kế T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị D phải nộp 300.000 đồng, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị D đã nộp 300.000 đồng tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình theo biên lai số 0000687 ngày 06 tháng 02 năm 2026. Như vậy, chị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị Thùy D và anh Trần Kế T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 8 - Ninh Bình;
- Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình;
- UBND xã Vụ Bản, tỉnh Ninh Bình.

- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP Tòa án.

Phạm Trường Nam